

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN
HÀM THUẬN NAM
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/KDTM-ST

Ngày: 23/9/2019.

Về việc: “tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hồng Vinh;

2. Ông Lê Huy Cường;

- Thư ký phiên tòa: ông Võ Minh Thế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam tham gia phiên
tòa:** Bà Cao Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Hàm Thuận Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2019/TLST – KDTM ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST – KDTM ngày 04/9/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V.P

Trụ sở: xx L H, phường L H, Quận ĐĐ, HN

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đỗ Thành T

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Thành T: ông Phạm HM - là chuyên viên xử lý nợ. (có mặt)

- Bị đơn: Công Ty T.P

Trụ sở: thôn Lập Sơn, xã Tân Lập, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị Thu T1 - Sinh năm 1973. Chức vụ: giám đốc (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

bà Nguyễn Thị Thu T1 – sinh năm 1973. (có mặt)

Địa chỉ: thôn Lập Sơn, xã Tân Lập, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết là ông Nguyễn Hữu Minh và ông Nguyễn Hữu N, tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm HM trình bày: ngày 14 tháng 11 năm 2016 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V.P (sau đây gọi là Ngân hàng V.P) – Chi nhánh Bình Thuận và Công ty T.P (sau đây gọi là công ty T.P) (do bà Nguyễn Thị Thu T1 đại diện theo pháp luật) ký kết hợp đồng tín dụng số SME/BHT/16/0084/HĐTD ngày 14 tháng 11 năm 2016. Theo đó Ngân hàng V.P – Chi nhánh Bình Thuận cho Công ty T.P vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân (ngày 15/11/2016) ngày đến hạn là ngày 15/11/2019. Với mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh nông sản.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của Công ty T.P, bà Nguyễn Thị Thu T1 đã ký hợp đồng bảo lãnh số SME/BHT/16/0084/HĐBLDS ngày 14/11/2016 để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty T.P bằng toàn bộ tài sản

Thực hiện hợp đồng Ngân hàng V.P – Chi nhánh Bình Thuận đã giải ngân cho Công ty T.P toàn bộ số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 15/11/2016. Theo thỏa thuận vào ngày 15 hàng tháng Công ty T.P trả cho ngân hàng tiền gốc là 13.800.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hình thức trả lãi giảm dần. Tuy nhiên đến kỳ trả tiền gốc và lãi vào ngày 15/5/2018 Công ty T.P không trả nợ theo thỏa thuận nên khoản vay trên chuyển thành nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng V.P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty T.P phải trả cho ngân hàng các khoản tiền bao gồm:

- Tiền gốc còn lại: 251.493.530 đồng;
- Tiền lãi phát sinh tính đến ngày 23/9/2019: 108.676.426 đồng;
- Tiền phạt chậm trả: 26.222.403 đồng.

Kể từ ngày 24/9/2019 Công ty T.P còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp Công ty T.P không trả được nợ đề nghị Tòa án tuyên buộc bà Nguyễn Thị Thu T1 chịu trách nhiệm trả toàn bộ nợ của Công ty T.P cho ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết, đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu T1 đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Trước đây vào năm 2016 Công ty T.P có vay của Ngân hàng V.P số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Bà là người đại diện công ty để ký hợp đồng tín dụng. sau đó bà đã nhận giải ngân đủ số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà thực hiện đúng theo nghĩa vụ trả lãi và gốc. Bà thực hiện trả tiền gốc, tiền lãi hàng tháng cho ngân hàng đầy đủ. Cụ thể hàng tháng bà đã trả cho ngân hàng tiền gốc là 13.800.000 đồng và tiền lãi là 6.980.993 đồng. Bà trả đến tháng 5 năm 2018 thì bà bị bệnh phải nằm viện điều trị nên công ty ngưng hoạt động. Vì vậy Công ty T.P còn nợ lại 251.493.530 đồng (hai trăm năm mươi một triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn năm trăm ba mươi đồng) cùng số tiền nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn phát sinh. Hiện nay ngân hàng khởi kiện

thì Công ty T.P chấp nhận trả nợ gốc và lãi trong hạn, cụ thể như sau:

Công ty T.P đồng ý trả cho Ngân hàng V.P tiền gốc còn lại: 251.493.530 đồng. Đối với tiền lãi phát sinh tính đến ngày 23/9/2019: 108.676.426 đồng thì công ty chấp nhận trả. Tuy nhiên Công ty T.P đề nghị ngân hàng tạo điều kiện cho công ty trả tiền gốc và tiền lãi theo phương thức trả dần hàng tháng mỗi tháng trả 5.000.000 đồng. Đối với khoản tiền phạt chậm trả là: 26.222.403 đồng, Công ty T.P đề nghị Ngân hàng V.P miễn cho công ty vì công ty đang gặp khó khăn.

Về yêu cầu của nguyên đơn đối với trách nhiệm bảo lãnh: bà Nguyễn Thị Thu T1 xác nhận có ký kết hợp đồng bảo lãnh và đồng ý trả thay cho Công ty T.P toàn bộ số tiền còn nợ bằng toàn bộ tài sản cá nhân.

Vụ án đã được hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện các thủ tục đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Các đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án:

Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về việc Ngân hàng V.P yêu cầu Công ty T.P trả toàn bộ số tiền:

- Tiền gốc còn lại: 251.493.530 đồng;
- Tiền lãi phát sinh tính đến ngày 23/9/2019: 108.676.426 đồng;
- Tiền phạt chậm trả: 26.222.403 đồng.

Là có căn cứ chấp nhận.

Do đó đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về việc Ngân hàng V.P yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T1 trả toàn bộ số tiền còn nợ trong trường hợp Công ty T.P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, trả nợ không đầy đủ theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký kết giữa các bên là có căn cứ nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V.P nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với Công ty T.P có trụ sở tại thôn Lập Sơn, xã Tân Lập, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi

nhuận. Từ đó có đủ căn cứ để xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Do đó, theo quy định tại khoản 1 điều 30; điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về nội dung tranh chấp

[2.1] Ngày 14 tháng 11 năm 2016 Công ty T.P vay của Ngân hàng V.P số tiền 500.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số SME/BHT/16/0084/HĐTD, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân (ngày 15/11/2016) ngày đến hạn là ngày 15/11/2019. Dưới hình thức trả góp theo kỳ, mỗi kỳ vào ngày 15 hàng tháng Công ty T.P phải trả tiền gốc là 13.800.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hình thức trả lãi giảm dần theo lãi suất 22,85% /năm tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, với mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh nông sản.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của Công ty T.P, bà Nguyễn Thị Thu T1 đã ký hợp đồng bảo lãnh số SME/BHT/16/0084/HĐBLDS ngày 14/11/2016 để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty T.P bằng toàn bộ tài sản cá nhân của mình.

Hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo lãnh đều được người có thẩm quyền của các bên ký, các hợp đồng này không pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tuân theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, các thỏa thuận trong hợp đồng phát sinh hiệu lực và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện.

Thực hiện hợp đồng, phía Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền 500.000.000 đồng cho Công ty T.P vào ngày 15/11/2016 tại kế ước nhận nợ thể hiện trong hồ sơ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu T1 cũng thừa nhận việc này.

Tuy nhiên đến kỳ trả tiền gốc và lãi vào ngày 15/5/2018 Công ty T.P không trả nợ theo thỏa thuận nên khoản vay trên chuyển thành nợ quá hạn.

[2.2] Về quyền yêu cầu trả nợ: Xét thấy, trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ, các bên có thỏa thuận vay dưới hình thức trả góp theo kỳ, kỳ hạn cuối cùng là ngày 15/11/2019. Tuy nhiên, tại mục 2 Điều 4 và Điều 6 của hợp đồng tín dụng có ghi rõ “Các bên cùng thống nhất hiểu rõ rằng việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một Kỳ trả nợ gốc hoặc Kỳ trả nợ lãi nào cũng bị coi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bên Ngân hàng có quyền thu hồi ngay toàn bộ dư nợ còn lại của Bên vay mà không cần phải chờ đến khi kết thúc thời hạn vay...”. Do đó, khi công ty T.P vi phạm nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng V.P có quyền yêu cầu công ty T.P phải thanh toán toàn bộ khoản nợ đã vay là đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

[2.3] Về lãi suất: Các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đối với lãi suất trong hạn là 22.85%/năm được điều chỉnh 03 tháng một lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Việc tính lãi theo bảng kê chi tiết do Ngân hàng nộp là chính xác, đúng với thỏa thuận, không có lãi chồng lãi phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

[2.4] Về quyền yêu cầu đối với người bảo lãnh: Theo thỏa thuận tại Điều 1 và Điều 2 của Hợp đồng bảo lãnh số SME/BHT/16/0084/HĐBLDS ngày 14/11/2016, bà Nguyễn Thị Thu T1 cam kết dùng toàn bộ tài sản của mình để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của công ty T.P theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số SME/BHT/16/0084/HĐTD ngày 14/11/2016 khi công ty T.P vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V.P. Xét thấy, hợp đồng bảo lãnh được Ngân hàng V.P và bà Nguyễn Thị Thu T1 ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật về hợp đồng bảo lãnh nên có hiệu lực thi hành. Do đó, khi công ty T.P không thực hiện, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng V.P có quyền yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T1 phải thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo lãnh. Yêu cầu của Ngân hàng V.P là phù hợp với quy định tại các điều 335, 336 và 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận.

[2.5] về việc người đại diện theo pháp luật của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T1 yêu cầu nguyên đơn miễn cho Công ty số tiền phạt lãi chậm trả và yêu cầu trả tiền gốc và lãi theo hình thức trả dần mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, do phí nguyên đơn không chấp nhận, do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này.

[2.6] Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền như sau:

- Tiền gốc còn lại: 251.493.530 đồng;
- Tiền lãi phát sinh tính đến ngày 23/9/2019: 108.676.426 đồng;
- Tiền phạt chậm trả: 26.222.403 đồng.

Tổng cộng là 386.392.360 đồng.

Kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2019 trở đi, số tiền lãi được tính trên dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số SME/BHT/16/0084/HĐTD ngày 14/11/2016 giữa nguyên đơn và bị đơn cho đến khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp Công ty T.P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, trả nợ không đầy đủ, Ngân hàng Thương mại cổ phần V.P có quyền yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty T.P theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo lãnh số SME/BHT/16/0084/HĐBLDS ngày 14/11/2016.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn; bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 30; điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 143, 144 và Điều 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 335, 336 và 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V.P .

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản - dịch vụ du lịch T.P phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V.P toàn bộ số tiền như sau:

- Tiền gốc còn lại: 251.493.530 đồng;
- Tiền lãi phát sinh tính đến ngày 23/9/2019: 108.676.426 đồng;
- Tiền phạt chậm trả: 26.222.403 đồng.

Tổng cộng là 386.392.360 đồng.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản - dịch vụ du lịch T.P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, trả nợ không đầy đủ, Ngân hàng Thương mại cổ phần V.P có quyền yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản - dịch vụ du lịch T.P theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo lãnh số SME/BHT/16/0084/HDBLDS ngày 14/11/2016.

Kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2019 trở đi, số tiền lãi được tính trên dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số SME/BHT/16/0084/HDTD ngày 14/11/2016 và khế ước nhận nợ cho đến khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản - dịch vụ du lịch T.P hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V.P .

*** Về án phí:**

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản - dịch vụ du lịch T.P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 19.319.000 đồng (mười chín triệu ba trăm mười chín ngàn đồng)

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V.P số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 7.517.000 đồng (bảy triệu năm trăm mười bảy ngàn đồng) theo biên lai số N⁰ 0028241 ngày 21/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đại diện theo pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Như Điều 269 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thúy Vũ